TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27-4-2022
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

2. Ông Đặng Võ Luyện.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Đào Thế H** - Sinh năm 1983.

Địa chỉ: Xóm A, thôn TH, xã AM, huyện QP, tỉnh Thái Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Trần Văn Đ** và chị **Nguyễn Thị Mỹ L** - Công ty Luật TNHH MA, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: PX Tòa nhà Y, KĐT NTY, phường TH, quận CG, thành phố Hà Nội.

* *Bị đơn:* Chị **Vũ Thị P** - Sinh năm 1986.

ĐKHKTT: Xóm A, thôn TH, xã AM, huyện QP, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: A T payoh lorong B - C Singapore 310163.

Người đại diện theo ủy quyền của chị P: Ông **Vũ Trọng K** - Sinh năm 1959; Địa chỉ: Xóm Y, thôn TX, xã AM, huyện QP, tỉnh Thái Bình.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà **Nguyễn Thị B** - Sinh năm 1949.

Địa chỉ: Xóm A, thôn TH, xã AM, huyện QP, tỉnh Thái Bình.

- Ông **Vũ Trọng K** - Sinh năm 1959.

- Bà **Vũ Thị H1** - Sinh năm 1962.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị H1: Anh **Vũ Trọng N** - Sinh năm 1988.

Đều trú tại địa chỉ: Xóm Y, thôn TX, xã AM, huyện QP, tỉnh Thái Bình.

(Có mặt anh H, luật sư Đ, chị L, ông K, anh N; Chị P có đơn ủy quyền cho ông K, bà H1 có đơn ủy quyền cho anh N tham gia tố tụng; Bà B có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn - anh Đào Thế H trình bày:* Anh và chị Vũ Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 07/3/2005 tại UBND xã AM, huyện QP, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng bảo ban nhau làm ăn, nuôi dạy con cái. Năm 2007, chị P đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan 03 năm đến năm 2010 chị P về Việt Nam. Năm 2012, chị P đi xuất khẩu lao động tại Macao. Năm 2014, chị P tiếp tục đi lao động tại Singapo đến nay. Năm 2012, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và nuôi dạy con, thường xuyên xảy ra va chạm, bất hòa, không tôn trọng nhau. Đầu năm 2020, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, hai bên không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị P.

Anh và chị Vũ Thị P có 02 con chung là Đào Vũ Phương L, sinh ngày 09/10/2006 và Đào Vũ Minh G, sinh ngày 03/6/2012. Hiện nay, con Linh đang sống cùng anh còn con G đang sống cùng bố mẹ chị P. Ly hôn anh đề nghị nuôi con Đào Vũ Phương L, chị P nuôi con Đào Vũ Minh G, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Năm 2012, anh và chị P xây ngôi nhà 02 tầng trên thửa đất số 38, tờ bản đồ số 20 thôn TH, xã AM, huyện QP của bố mẹ anh là ông Đào Văn Nguyên và bà Nguyễn Thị B, tiền xây nhà hết 800.000.000 đồng, nguồn tiền do anh bỏ ra và mẹ anh trả tiền nguyên vật liệu xây dựng gạch ngói, cát đá khoảng 300.000.000 đồng vì khi đó chị P đang mang thai cháu G, không lao động, phụ giúp được gì. Ngoài ra còn có một số nội thất nhưng qua nhiều năm không còn giá trị. Ngày 07/01/2022, Tòa án về xem xét định giá nhà và các công trình xây dựng trên đất trị giá 426.312.019 đồng, nay anh nhất trí thanh toán cho chị P 1/3 trị giá

tài sản trên.

Năm 2019, chị P gửi về cho anh 280.000.000 đồng, anh có 70.000.000 đồng và anh vay Ngân hàng Nông Nghiệp 200.000.000 đồng để mua diện tích 100m^2 đất ở xã Liên Giang, huyện Đông Hưng với giá 530.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị X. Do không đủ tiền trả lãi Ngân hàng nên cùng năm 2019, anh trả lại thửa đất cho chị X với giá 500.000.000 đồng (vì chưa làm thủ tục sang tên và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Số tiền 500.000.000 đồng anh đã trả Ngân hàng 200.000.000 đồng, nộp tiền bảo hiểm cho anh và hai con cháu Linh và cháu G 50.000.000 đồng. Số tiền còn lại 250.000.000 đồng anh chi dùng để sửa sang vườn, ao, nhà và chi tiêu cho gia đình hết không còn. Chị P có gửi về cho anh 280.000.000 đồng để mua đất chứ không phải 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi bán đất trả nợ Ngân hàng, số tiền còn lại anh đã chi dùng để sửa sang vườn, ao chi tiêu trong gia đình và nuôi hai con nên không còn. Vì vậy, chị P yêu cầu anh trả lại số tiền gửi về mua đất 500.000.000 đồng anh không đồng ý.

Trong thời kỳ hôn nhân, năm 2007, anh và chị P có vay của ông Vũ Trọng K, bà Vũ Thị H1 (bố mẹ chị P) 08 chỉ vàng để chị P làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan chứ không phải như chị P khai góp 8 chỉ vàng để xây nhà hay vay để cho anh đổi bằng lái xe như ông K trình bày. Số vàng này vay trong thời kỳ hôn nhân, nay ông K, bà Hoá yêu cầu trả lại, anh nhất trí trả ông K, bà Hoá 04 chỉ vàng 9999. Anh không đồng ý trả 08 chỉ vàng theo yêu cầu của chị P.

** Tại Văn bản trình bày ý kiến; Đơn xin vắng mặt về việc giải quyết, xét xử vắng mặt; Đơn ủy quyền về việc nuôi con sau ly hôn; Đơn ủy quyền về việc giải quyết tài sản khi ly hôn đề ngày 25/6/2021; Bị đơn - chị Vũ Thị P trình bày:* Chị và anh Đào Thế H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã AM, huyện QP, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cùng bảo ban nhau làm ăn. Từ năm 2012, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H luôn nghi ngờ chị không chung thủy, có quan hệ ngoại tình và chị đi làm ăn xa liên tục nhiều năm, vợ chồng không thể cùng nhau nuôi dạy con chung dẫn đến mâu thuẫn bất đồng. Bên cạnh đó anh H không chung thủy, có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần nhắc nhở nhưng anh H không thay đổi. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh Đào Thế H theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp cho chị.

Chị và anh Đào Thế H có 02 con chung là Đào Vũ Phương L, sinh ngày 09/10/2006 và Đào Vũ Minh G, sinh ngày 03/6/2012. Ly hôn, anh H đề nghị được nuôi con Đào Vũ Phương L, chị nuôi con Đào Vũ Minh G, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị nhất trí. Hiện nay chị đang sinh sống và làm việc tại Singapore nên không thể trực tiếp nuôi con được, chị ủy quyền cho ông Vũ Trọng K (bố chị) nuôi giúp con Đào Vũ Minh G trong thời gian chị đi lao động làm ăn xa nhà. Việc cấp dưỡng nuôi con G giữa chị và ông Vũ Trọng K hai bên tự thỏa

thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 20 thôn TH, xã AM, huyện QP thuộc quyền sử dụng của bố mẹ anh H, chị không có ý kiến gì. Ngôi nhà hai tầng xây dựng trên đất là tài sản chung của chị và anh H. Trong thời gian xây nhà, chị đóng góp 08 chỉ vàng, nay vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu anh H phải trả lại chị số tiền tương ứng với 08 chỉ vàng là 44.800.000 đồng mà chị đã đóng góp xây nhà. Trường hợp anh H đề nghị được sở hữu nhà, ngoài số tiền 44.800.000 đồng, chị yêu cầu anh H thanh toán cho chị 500.000.000 đồng. Trong thời kỳ hôn nhân, chị có gửi về cho anh H 500.000.000 đồng để mua đất. Nay chị yêu cầu anh H phải trả lại cho chị số tiền này. Tổng số tiền chị yêu cầu anh H phải thanh toán cho chị là 1.044.800.000 đồng.

Do hiện nay chị đang sinh sống và làm việc tại Singapore nên không thể về Việt Nam tham gia tố tụng trong vụ án và giải quyết về phần tài sản. Chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt và ủy quyền cho ông Vũ Trọng K (bố chị) giải quyết phần tài sản tại Tòa án.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Vũ Trọng K (bố chị P) trình bày:* Anh Đào Thế H và chị Vũ Thị P kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã AM, huyện QP, tỉnh Thái B. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, bảo ban nhau làm ăn, nuôi dạy con cái. Năm 2007 chị P đi lao động làm ăn ở nước ngoài để lo kinh tế gia đình đến năm 2019, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H ngoại tình. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ được, anh H xin ly hôn, chị P đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H và chị P được ly hôn. Anh H và chị P có 02 con chung là cháu Đào Vũ P Linh, sinh ngày 09/10/2006 và cháu Đào Vũ Minh G, sinh ngày 03/6/2012. Ly hôn anh H đề nghị nuôi cháu Đào Vũ P Linh, chị P nuôi cháu Đào Vũ Minh G, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh H, chị P. Ông đồng ý nhận ủy quyền của chị P về việc nuôi cháu Đào Vũ Minh G và giải quyết với anh H về tài sản. Việc cấp dưỡng nuôi cháu G, ông và chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình lao động ở nước ngoài, hàng tháng chị P có gửi tiền cho anh H tiết kiệm để xây dựng căn nhà 02 tầng trị giá 1 tỷ đồng trên thửa đất số 38, tờ bản đồ số 20 thôn TH, xã AM, huyện QP của bố mẹ anh H. Trường hợp anh H sở hữu nhà, chị P yêu cầu anh H thanh toán cho chị ½ trị giá ngôi nhà là 500.000.000 đồng. Ngày 07/01/2022, Tòa án về xem xét định giá tài sản nhà và các công trình xây dựng trên đất là 426.312.019 đồng, ông rút một phần yêu cầu của chị P, xác định tài sản trên là của anh H, chị P và bà B (mẹ anh H). Ly hôn anh H sở hữu tài sản và thanh toán cho chị P 1/3 trị giá tài sản là 142.000.000 đồng.

Năm 2018, chị P gửi về cho anh H 500.000.000 đồng để mua lô đất ở huyện Đông Hưng chứ không phải gửi về 280.000.000 đồng như anh H khai. Năm 2020

khi vợ chồng mâu thuẫn, anh H đã bán thửa đất trên và quản lý số tiền bán đất. Việc anh H khai sử dụng số tiền bán đất để cải tạo vườn, ao là chi tiêu cá nhân của anh H. Ly hôn, chị P yêu cầu anh H trả lại chị số tiền 500.000.000 đồng. Đến nay Tòa án tiến hành xác minh anh H đã bán diện tích đất được số tiền 607.620.000 đồng chị P rút một phần yêu cầu, đề nghị anh H thanh toán cho chị 300.000.000 đồng.

Trong thời kỳ hôn nhân anh H và chị P có vay ông và bà H1 08 chỉ vàng để cho anh H đổi bằng lái xe. Nay vợ chồng ly hôn mỗi người phải trả cho ông bà 04 chỉ vàng 9999. Ông và bà H1 đồng ý anh H trả cho ông bà 04 chỉ vàng 9999 còn 04 chỉ vàng nghĩa vụ của chị P ông và bà H1, chị P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình hòa giải, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản như sau:

- Chị P rút yêu cầu anh H trả cho chị P 08 chỉ vàng mà yêu cầu anh H trả cho ông, bà H1 04 chỉ vàng 9999, số vàng 04 chỉ còn lại ông, bà H1 và chị P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh H được quyền sở hữu ngôi nhà 2 tầng cùng các công trình xây dựng trên đất và có trách nhiệm thanh toán cho chị P 1/3 trị giá tài sản là 142.000.000 đồng + 300.000.000 đồng tiền bán đất, tổng là 442.000.000 đồng.

* Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà là mẹ đẻ anh Đinh Thế H và là mẹ chồng chị P. Bà và ông Đào Văn Nguyên có 3 người con, 01 trai và 02 gái, hai con gái đã đi xây dựng gia đình và ở riêng, chỉ có vợ chồng anh H là sống cùng ông bà. Năm 2010, ông Nguyên chồng bà mất. Năm 2012, bà và các con đồng ý cho vợ chồng anh H, chị P phá dỡ căn nhà cấp bốn lợp ngói để xây dựng căn nhà 2 tầng trên thửa đất số 38, tờ bản đồ số 20, thôn TH, xã AM như hiện nay. Khi vợ chồng anh H xây nhà bà có đóng góp trả tiền mua một phần nguyên vật liệu xây dựng nhà gồm: Trả tiền mua gạch ngói, cát đá, xi măng, sắt thép tổng là 400.000.000 đồng. Thời điểm xây dựng nhà gia đình còn hòa thuận vui vẻ, không nghĩ tới việc các con ly hôn nên bà không giữ các chứng cứ gì liên quan đến việc trả tiền mua nguyên vật liệu để cung cấp cho Tòa. Nguồn tiền do bà tiết kiệm nhiều năm, bốc phường, bán vàng để đóng góp trả tiền nguyên vật liệu xây dựng nhà. Do căn nhà cấp bốn của vợ chồng bà đã phá dỡ đi, khi xây dựng ngôi nhà hai tầng bà sẽ ở cùng với vợ chồng anh H vì vậy bà đóng góp một phần tiền mua nguyên vật liệu để xây dựng ngôi nhà hai tầng. Nguồn gốc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 20 thôn TH, xã AM, huyện QP thuộc quyền sử dụng của bà và ông Đào Văn Nguyên đã được Ủy ban nhân dân huyện QP cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 696,0m^2 gồm đất ở, đất vườn tạp và đất ao. Năm 2020, bà và các con làm thủ tục tặng cho toàn bộ thửa đất cho anh H và anh H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp

nên anh H có quyền định đoạt thửa đất. Ngôi nhà hai tầng bà xác định là tài sản chung của bà, anh H và chị P, nay vợ chồng ly hôn, bà yêu cầu anh H, chị P trả cho bà 400.000.000 đồng tiền bà bỏ ra mua nguyên vật liệu xây nhà, trị giá ngôi nhà còn lại đề nghị Tòa án chia cho anh H, chị P theo pháp luật. Do anh H được quyền sử dụng thửa đất, đề nghị Tòa án giao căn nhà hai tầng cho anh H sở hữu, anh H có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền 400.000.000 đồng và tiền chênh lệch tài sản cho chị P. Do tuổi đã cao, đi lại khó khăn bà đề nghị Tòa án cho phép được vắng mặt trong phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm giải quyết ly hôn giữa anh H và chị P. Ngày 07/01/2022, Tòa án về xem xét định giá tài sản chung có trị giá là 426.312.019 đồng, bà nhất trí anh H được sở hữu, sử dụng nhà, đất và thanh toán cho bà 1/3 trị giá tài sản bằng 142.000.000 đồng.

2. Bà Vũ Thị H1 trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Vũ Thị P. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng chị P có vay của vợ chồng bà 08 chỉ vàng để đưa cho anh H đổi bằng lái xe và chi tiêu trong gia đình. Nay vợ chồng ly hôn, anh chị có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà 08 chỉ vàng. Tuy nhiên, quá trình ông K (người được chị P ủy quyền giải quyết về tài sản) trình bày đồng ý anh H có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà 04 chỉ vàng 9999, số vàng 04 chỉ trách nhiệm của chị P bà, ông K, chị P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì lý do công việc bà xin được vắng mặt trong các buổi làm việc của Tòa án, vắng mặt trong phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án ly hôn giữa anh H và chị P.

** Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 07/01/2022 thể hiện*:

+ Về đất: Các đương sự thống nhất diện tích đất 539,4m^2 thửa số 38 tờ bản đồ số 20 tại thôn TH, xã AM (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) là tài sản riêng của anh Đinh Thế H nên không định giá đất.

+ Các công trình xây dựng trên đất: Nhà mái bằng hai tầng diện tích 170,5m^2 trị giá 340.291.155 đồng. Bếp và nhà vệ sinh diện tích 33m^2 trị giá 41.634.686 đồng. Bể nước thể tích 6m^3 trị giá 2.916.607 đồng. Mái lợp tôn diện tích 25m^2 trị giá 9.788.804 đồng. Sân lát gạch đỏ diện tích 159m^2 trị giá 13.275.172 đồng. Sân lát gạch men diện tích 30m^2 trị giá 2.714.728 đồng. Tường dậu xây gạch chỉ khối lượng 6m^3 trị giá 4.114.813 đồng. Tường dậu xây gạch xỉ giáp ao khối lượng 2m^3 trị giá 1.462.744 đồng. Kè bờ ao khối lượng 7,4m^3 trị giá 5.412.152 đồng. Hai trụ cổng khối lượng 1m^3 trị giá 685.802 đồng. Cánh cổng innox diện tích 4m^2 trị giá 4.015.956 đồng. Tổng giá trị tài sản là 426.312.019 đồng.

*** Ý kiến của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm:**

1. Anh Đào Thế H trình bày: Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng

không thể hàn gắn đoạn tụ được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị P. Trên cơ sở Kết luận giám định AND cháu G không phải là con chung của anh với chị P. Ly hôn anh đề nghị nuôi con Đào Vũ P Linh, chị P nuôi con Đào Vũ Minh G, anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con Linh cùng anh. Anh đồng ý trả cho ông K bà H1 04 chỉ vàng 9999, thanh toán trị giá tài sản công trình xây dựng nhà cho bà B (mẹ anh), chị P mỗi người 142.000.000 đồng và thanh toán tiền bán đất cho chị P 200.000.000 đồng.

2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H trình bày: Về quan hệ hôn nhân, việc nuôi con chung, quyền sở hữu tài sản, thanh toán tiền nhà, trả nợ 08 chỉ vàng các đương sự không tranh chấp, luật sư không tranh luận. Đề nghị Hội đồng xem xét về khoản tiền mua đất, anh H thừa nhận chị P gửi về 280.000.000 đồng, anh H phải vay Ngân hàng, vay thêm người thân bù vào để mua đất. Sau khi bán đất anh H trả nợ cho Ngân hàng, mua bảo hiểm cho hai con, sửa sang vườn ao, chi phí nuôi hai con hết không còn và anh H cung cấp được chứng cứ về việc vay nợ Ngân hàng, mua bảo hiểm. Tuy nhiên, để hài hòa anh H đồng ý thanh toán trả cho chị P 200.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc thanh toán tiền của anh H.

3. Ông Vũ Trọng K trình bày: Đến nay anh H và chị P không chung sống được với nhau, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh H và chị P ly hôn. Trên cơ sở kết quả xét nghiệm AND, cháu G là con riêng chị P, vì vậy đề nghị giao cho anh H nuôi cháu Linh, chị P nuôi cháu G để sang tên, đổi họ cho cháu G. Ông đồng ý anh H trả cho ông và bà H1 04 chỉ vàng 9999, trả chị P 142.000.000 đồng trị giá tài sản các công trình xây dựng trên đất. Số tiền chị P gửi về cho anh H mua đất thực tế là 500.000.000 đồng (vì chị P có sổ ghi chép lại), tuy nhiên khi bán đất được 607.620.000 đồng anh H đã chi phí hết một phần tiền, nay chị P nhất trí anh H trả cho chị P tiền bán đất là 200.000.000 đồng. Tổng hai khoản là 342.000.000 đồng.

4. Anh Vũ Trọng N nhất trí với ý kiến của ông K về việc anh H có trách nhiệm trả cho bố mẹ anh 04 chỉ vàng 9999. 04 chỉ vàng nghĩa vụ của chị P bố mẹ anh và chị P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị: áp dụng Điều 51, 55, 59, 61, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đào Thế H được ly hôn chị Vũ Thị P.

- Về con chung: Giao cho anh Đào Thế H nuôi con chung Đào Vũ P Linh, sinh ngày 09/10/2006. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Hai bên

có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Giao cho chị Vũ Thị P nuôi con riêng Đào Vũ Minh G, sinh ngày 03/6/2012. Chấp nhận việc chị Vũ Thị P ủy quyền cho ông Vũ Trọng K (bố đẻ chị) nuôi giúp cháu Đào Vũ Minh G trong thời gian chị lao động làm ăn ở nước ngoài.

- Về quan hệ tài sản: Đình chỉ yêu cầu của chị Vũ Thị P buộc anh Đào Thế H thanh toán cho chị 08 chỉ vàng. Công nhận thỏa thuận của các đương sự: Giao cho anh Đào Thế H được sở hữu các công trình xây dựng trên thửa đất số 38, tờ bản đồ số 20, thôn TH, xã AM, huyện QP. Anh H có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Bình 142.000.000 đồng, chị Vũ Thị P 142.000.000 đồng trị giá tài sản trên đất + 200.000.000 đồng tiền bán đất, tổng số tiền thanh toán cho chị P là 342.000.000 đồng và trả cho ông Vũ Trọng K, bà Vũ Thị H1 04 chỉ vàng 9999.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* **Về tố tụng***:* Chị Vũ Thị P, bà Nguyễn Thị B và bà Vũ Thị H1 có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt hợp lệ đồng thời chị P ủy quyền cho ông K, bà Hoá ủy quyền cho anh N tham gia tố tụng, áp dụng khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Thế H và chị Vũ Thị P kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AM, huyện QP, tỉnh Thái Bình ngày 07/3/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó chị P đi lao động làm ăn ở nước ngoài nhiều năm đến năm 2012, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và nuôi dạy con, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa, không hòa giải được. Từ năm 2020 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, hai bên tự lo liệu cuộc sống riêng không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh H xin ly hôn, chị P đồng ý thể hiện mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Vì vậy, áp dụng Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Đào Thế H được ly hôn chị Vũ Thị P là phù hợp pháp luật.

[2] Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh Đào Thế H và chị Vũ Thị P sinh được 02 con là cháu Đào Vũ Phương L, sinh ngày 09/10/2006 và cháu Đào Vũ Minh G, sinh ngày 03/6/2012. Theo đơn đề nghị giám định ADN của ông Vũ Trọng K (bố chị P). Ngày 12/4/2022 Viện công nghệ di tryền Medigenne có kết quả xét nghiệm xác định cháu Đào Vũ Minh G không phải là con chung của anh

Đào Thế H và chị Vũ Thị P. Do đó, có căn cứ xác định cháu Đào Vũ Phương L là con chung của anh H, chị P còn cháu Đào Vũ Minh G là con riêng của chị P. Ly hôn anh H đề nghị nuôi con chung cháu Đào Vũ Phương L, chị P nuôi con riêng cháu Đào Vũ Minh G, anh H không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung cần chấp nhận.

Do chị P đang đang sinh sống và làm việc tại Singapore nên không thể trực tiếp nuôi con được, chị ủy quyền cho ông Vũ Trọng K nuôi giúp cháu Đào Vũ Minh G đến khi chị P về Việt Nam, việc cấp dưỡng nuôi cháu G hai bên thự thỏa thuận, ông K đồng ý. Vì vậy, áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận của các đương sự là phù hợp pháp luật.

[3] Về tài sản: Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận, anh H được sở hữu các công trình xây dựng trên thửa đất số 38, tờ bản đồ số 20, thôn TH, xã AM, huyện QP, tỉnh Thái B trị giá 426.312.019 đồng. Anh H có trách nhiệm thanh toán cho bà B (mẹ anh H) 142.000.000 đồng và thanh toán cho chị P tiền tài sản 142.00.000 đồng + tiền bán đất 200.000.000 đồng và trả cho ông K, bà H1 04 chỉ vàng, giá vàng 9999 ngày 27/4/2022 bán ra là 5.485.000 đồng/chỉ x 4 chỉ = 21.940.000 đồng. Xét thấy thỏa thuận của các đương sự là phù hợp pháp luật cần chấp nhận.

[4] Do xác định số tiền bán đất anh H chi dùng hết không còn việc anh H thanh toán cho chị P 200.000.000 đồng là tự nguyện nên trị giá tài sản các đương sự được hưởng như sau: Anh H, bà B mỗi người được hưởng tài sản là 142.000.000 đồng, chị P được hưởng tài sản là 342.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Anh Đào Thế H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí nghĩa vụ trả nợ, án phí chia tài sản chung. Chị Vũ Thị P phải chịu án phí chia tài sản chung theo quy định. Bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi nên miễn án phí chia tài sản cho bà B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 55, 59, 61, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1, 2 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đào Thế H được ly hôn chị Vũ Thị P.

2. Về quan hệ con chung:

2.1. Xác định cháu Đào Vũ Phương L, sinh ngày 09/10/2006 là con chung của anh Đào Thế H và chị Vũ Thị P. Cháu Đào Vũ Minh G, sinh ngày 03/6/2012 là con riêng của chị Vũ Thị P.

2.2. Giao cho anh Đào Thế H nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Đào Vũ Phương L, sinh ngày 09/10/2006. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Hai bên có quyền và N vụ chăm sóc con chung.

2.3. Giao cho chị Vũ Thị P nuôi dưỡng, chăm sóc con riêng cháu Đào Vũ Minh G, sinh ngày 03/6/2012. Chấp nhận việc chị Vũ Thị P ủy quyền cho ông Vũ Trọng K (bố đẻ chị) nuôi giúp cháu Đào Vũ Minh G trong thời gian chị lao động làm ăn ở nước ngoài.

3. Về quan hệ tài sản:

3.1. Đình chỉ yêu cầu của chị Vũ Thị P buộc anh H thanh toán cho chị 8 chỉ vàng.

3.2. Công nhận thỏa thuận của các đương sự:

3.2.1. Anh Đào Thế H được quyền sở hữu các tài sản xây dựng trên thửa đất số 38, tờ bản đồ số 20 ở thôn TH, xã AM, huyện QP, tỉnh Thái Bình gồm: 170,5m^2 nhà mái bằng hai tầng, 33m^2 bếp và nhà vệ sinh, 6m^3 bể nước, 25m^2 mái lợp tôn, 159m^2 sân lát gạch đỏ, 30m^2 sân lát gạch men, 6m^3 tường dậu xây gạch chỉ, 2m^3 tường dậu xây gạch xỉ G ao, 7,4m^3 kè bờ ao, hai trụ cổng khối lượng 1m^3, Cánh cổng innox 4m^2. Tổng giá trị tài sản là 426.312.019 đồng,

3.2.2. Anh Đào Thế H có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị B 142.000.000 đồng. Thanh toán cho chị Vũ Thị P tiền tài sản 142.000.000 đồng + tiền bán đất 200.000.000 đồng. Trả ông Vũ Trọng K và bà Vũ Thị H1 04 chỉ vàng 9999 trị giá 21.940.000 đồng. Tổng số tiền anh H phải thanh toán cho bà B, chị P, ông K, bà H1 là 505.940.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm d khoản 1 Điều 12, điểm a, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

4.1. Anh Đào Thế H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, 7.100.000 đồng án phí chia tài sản và 1.097.000 đồng án phí nghĩa vụ trả nợ, tổng là 8.497.000 đồng. Đối trừ số tiền 300.000 đồng anh Đào Thế H nộp theo biên lai số 0005060 ngày 24/5/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình anh H còn phải nộp 8.197.000 đồng.

4.2. Chị Vũ Thị P phải chịu 17.100.000 đồng án phí chia tài sản. Đối trừ số tiền chị P nộp tạm ứng án phí 21.672.000 đồng (do ông Vũ Trọng K nộp thay) theo

Biên lai số 0005094 ngày 19/7/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái B, hoàn trả chị P 4.572.000 đồng.

4.3. Miễn án phí chia tài sản cho bà Nguyễn Thị B.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- UBND xã AM, h. QP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Phương Thảo